

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG MẦM NON HƯỚNG DƯƠNG

BIỂU MẪU 01

*(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo)*

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023
Ngày 10/12/2022

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	90%	95%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	100%	100%
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	85%	95%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	95%	95%

Nhon Đức, ngày 10 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thanh Thủy

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG MẦM NON HƯỚNG DƯƠNG

BIỂU MẪU 02

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022-2023

Ngày 10/12/2022

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ				Mẫu giáo		
			06-12 tháng tuổi	13-18 tháng tuổi	19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	675	4	8	22	36	145	177	283
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	675	4	8	22	36	145	177	283
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	675	4	8	22	36	145	177	283
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	675	4	8	22	36	145	177	283
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	675	4	8	22	36	145	177	283

V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em								
1	Số trẻ cân nặng bình thường	564	3	8	21	33	132	149	218
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	15	1	0	0	1	1	3	9
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	664	4	6	22	32	143	176	281
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	11	0	2	0	4	2	1	2
5	Số trẻ thừa cân béo phì	96	0	0	1	2	12	25	56
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục								
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	71	4	8	22	36			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	590					145	177	283

Nhon Đức, ngày 10 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thanh Thủy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG MẦM NON HƯỚNG DƯƠNG**

BIỂU MẪU 03

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-
2023**

Ngày 10/12/2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	20	2520m²/675
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	20	3,73m²
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	14.361,7 m²	21,28m²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	11.172,3 m²	16,55m²
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	126 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	10,8 m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	63,6 m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	63,6 m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	452,5 m ²	0,67m ²
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối	1.510 bộ	

	thiếu hiện có theo quy định		
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	156 bộ	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10 bộ	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	25	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	1	
1	Bảng Active Board	1	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	27	2	20		0,4 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Nhon Đức, ngày 10 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thanh Thủy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
TRƯỜNG MẦM NON HƯỚNG DƯƠNG**

BIỂU MẪU 04

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ
sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023**

Ngày 10/12/2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			T	S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Kém	Ghi chú
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	64			31	13	05	12	4	38	3	9	32	4		
I	Giáo viên	44			27	13	4		4	36	02	7	31	4		
1	Nhà trẻ	10			4	4	2		2	8	0	1	7	2		
2	Mẫu giáo	34			23	9	2		2	28	2	6	24	2		
II	Cán bộ quản lý	3			3				0	2	1	2	1	0		
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2		1	1			
III	Nhân viên	17			1	0	1	12								

1	Nhân viên văn thư	1						1									
2	Nhân viên kế toán	1			1												
3	Thủ quỹ	0															
4	Nhân viên y tế	1					1										
5	Nhân viên khác	14						11									

Nhon Đức, ngày 10 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thanh Thủy